

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

2. Ông Hà Đức Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị N, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Nặm Kép, xã Hùng Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lục Văn T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn N1, xã T1, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Ma Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lục Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn; không bị ai cưỡng ép, lừa dối kết hôn. Chị và anh T đã đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 4 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi

kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình nhà chồng một thời gian thì vợ chồng chị cùng nhau đi làm công nhân tại tỉnh Hưng Yên cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời lêu lổng không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Đến cuối năm 2020 mâu thuẫn trở nên trầm trọng chị và anh T sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được ly hôn với anh Lục Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên là Lục Thanh Mai, sinh ngày 25/9/2017. Ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Lục Văn T đến để giải quyết việc chị N đề nghị ly hôn nhưng anh T đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N1, xã T1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Lục Văn Dũng (bố đẻ của anh Lục Văn T) thì anh T và chị N có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh T, chị N chung sống cùng gia đình ông một thời gian thì cùng nhau đi làm công nhân ở tỉnh Hưng Yên, trong thời gian sống chung cuộc sống của anh chị sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2020 thì gia đình ông có nắm được chị N, anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì ông không biết. Đến khoảng cuối tháng 02 năm 2021 chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn Nậm Kép, xã Hùng Mỹ, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Chị N làm đơn xin ly hôn với anh T, anh T có biết nhưng do đi làm ăn xa nên không về giải quyết vụ án được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông Dũng cũng không biết địa chỉ nơi ở tạm trú của anh T. Gia đình ông có nhận được văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết việc chị N xin ly hôn nhưng anh T không về.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và N vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Ma Thị N: Cho chị Ma Thị N được ly hôn với anh Lục Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Lục Thanh M, sinh ngày 25/9/2017 cho chị Ma Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lục Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ma Thị N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ma Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Ma Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Lục Văn T; anh Lục Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn N1, xã T1, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Lục Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn N1, xã T1, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh T đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh T đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh T đã thông báo cho anh T nhưng anh T vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh N vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, T nhiên bị đơn anh Lục Văn T vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Ma Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị N và anh Lục Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị N, anh T thực tế đã không tồn tại từ cuối năm 2020 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được.

Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị N cần xử cho chị N được ly hôn với anh Lục Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị Ma Thị N và anh Lục Văn T có 01 con chung là cháu Lục Thanh M, sinh ngày 25/9/2017. Xét thấy hiện nay cháu M còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển về tâm sinh lý của trẻ nhỏ, chị N đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai nên cần giao cháu Lục Thanh M cho chị Ma Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ma Thị N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ma Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định tại các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Ma Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị N được ly hôn với anh Lục Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lục Thanh M, sinh ngày 25/9/2017 cho chị Ma Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lục Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Ma Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003411, ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa nay được chuyển thành tiền án phí.

Anh Lục Văn T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ma Thị N và anh Lục Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã T1;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

